

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 9 THÁNG NĂM 2025 - XÃ NAM SÁCH

(Kèm theo Báo cáo số 7/BC-UBND ngày 09 tháng 10 năm 2025 của UBND xã Nam Sách)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm 2025	Thực hiện 9 tháng năm 2025	So sánh TH/DT	Ghi chú
I	TỔNG SỐ THU	239.462,00	261.326,82	109,13	
1	Các khoản thu xã hưởng 100%	8.305,00	8.635,48	103,98	
2	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ	2.847,00	22.458,07	788,83	
	<i>Chi tiết các khoản thu</i>				
-	Thu thường xuyên tại xã	10.852,00	11.380,48	104,87	
-	Thu tiền sử dụng đất	300,00	19.713,07	6.571,02	
-	Thu chuyển nguồn, kết dư ngân sách	0,00	45.712,59		
-	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	228.310,00	184.520,68	80,82	
II	TỔNG SỐ CHI	239.462,00	254.691,65	106,36	
1	Chi đầu tư phát triển	300,00	22.967,42	7.655,81	
2	Chi thường xuyên	239.162,00	231.724,23	96,89	
	Trong đó: Dự phòng	10.462,30	233,20	2,23	

THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 9 THÁNG NĂM 2025 - XÃ NAM SÁCH

(Kèm theo Báo cáo số 166/BC-UBND ngày 06 tháng 10 năm 2025 của UBND xã Nam Sách)

Đơn vị: Tr.đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm 2025		Thực hiện 9 tháng năm 2025		So sánh TH/DT	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
	TỔNG THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	241.799,00	239.462,00	473.699,61	261.326,82	195,91	109,13
I	Thu nội địa	13.489,00	11.152,00	289.178,93	31.093,55	2.143,81	278,82
1	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh (Chỉ tiết theo sắc thuế)	2.056,00	1.645,00	40.275,25	1.689,75	1.958,91	102,72
2	Thuế thu nhập cá nhân	1.128,00	902,00	10.452,62	1.055,25	926,65	116,99
3	Lệ phí trước bạ	5.970,00	5.970,00	12.489,45	6.681,86	209,20	111,92
4	Thu phí, lệ phí	286,00	286,00	612,07	278,49	214,01	97,37
5	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	1.784,00	1.784,00	68.686,19	386,52	3.850,12	21,67
6	Thu tiền sử dụng đất	2.000,00	300,00	130.303,58	19.713,07	6.515,18	6.571,02
7	Thu khác ngân sách	110,00	110,00	25.875,22	804,07	23.522,92	730,97
8	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác	155,00	155,00	484,55	484,55	312,61	312,61
II	Thu viện trợ						
III	Thu chuyển nguồn CCTL còn dư năm trước chuyển sang				45.709,75		
IV	Thu kết dư ngân sách				2,84		
V	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	228.310,00	228.310,00	184.520,68	184.520,68	80,82	80,82
1	Thu bổ sung cân đối từ ngân sách cấp trên	228.310,00	228.310,00	117.501,52	117.501,52	51,47	51,47
2	Thu bổ sung mục tiêu từ ngân sách cấp trên			67.019,16	67.019,16		



THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 9 THÁNG NĂM 2025 - XÃ NAM SÁCH

(Kèm theo Báo cáo số 166/BC-UBND ngày 09 tháng 10 năm 2025 của UBND xã Nam Sách)

Đơn vị: Tr. đồng

STT	Nội dung	Dự toán chi năm 2025			Thực hiện 9 tháng năm 2025			So sánh		
		Tổng số	Đầu tư phát triển	Thường xuyên	Tổng số	Đầu tư phát triển	Thường xuyên	Tổng số	Đầu tư phát triển	Thường xuyên
	TỔNG CỘNG	239.462,00	300,00	239.162,00	254.691,65	22.967,42	231.724,23	106,36	7.655,81	96,89
1	CHI GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO	113.915,00	75,00	113.840,00	87.156,55	2.410,02	84.746,54	76,51	3.213,35	74,44
2	CHI QUỐC PHÒNG, AN NINH TRẬT TỰ XH	5.286,93		5.286,93	2.210,16		2.210,16	41,80		41,80
3	CHI SỰ NGHIỆP Y TẾ	281,00		281,00	13,60		13,60	4,84		4,84
4	CHI SỰ NGHIỆP VĂN HÓA	1.573,00		1.573,00	5.961,24	3.907,51	2.053,73	378,97		130,56
5	SỰ NGHIỆP PHÁT THANH	1.504,12		1.504,12	1.256,82		1.256,82	83,56		83,56
6	SỰ NGHIỆP THỂ THAO	215,00		215,00	807,85		807,85	375,74		375,74
7	SỰ NGHIỆP MÔI TRƯỜNG	4.106,00		4.106,00	1.468,57	355,40	1.113,17	35,77		27,11
8	SỰ NGHIỆP KINH TẾ, KTTC	16.003,00	75,00	15.928,00	23.546,34	10.632,12	12.914,22	147,14	14.176,16	81,08
9	QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC, ĐẢNG, HỘI, ĐOÀN THỂ	56.337,60	150,00	56.187,60	83.673,14	5.400,51	78.272,62	148,52	3.600,34	139,31
10	CHI ĐẢM BẢO XÃ HỘI	29.108,46		29.108,46	48.174,22	261,87	47.912,35	165,50		164,60
11	CHI KHÁC	285,00		285,00	189,96		189,96	66,65		66,65
12	TIẾT KIỆM 10%	384,60		384,60						
13	DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH	10.462,30		10.462,296	233,20		233,20	2,23		2,23